TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2023/HNGĐ-ST
Ngày 10/03/2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Diễm;

2. Ông Võ Cao Trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 03 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 560/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2022 về việc Tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2023/QĐST-DS ngày 20/02/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Thu H, sinh năm 1984; thường trú: Xã Đ, huyện Y, tỉnh T; tạm trú: Tổ 25 khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh B; địa chỉ cư trú: Số nhà 12/2, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh B, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Đỗ Văn H, sinh năm 1982; thường trú: Xã Đ, huyện Y, tỉnh T; tạm trú: Tổ 25 khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh B; địa chỉ cư trú: Số nhà 12/2, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh B,vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 11 năm 2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đỗ Thị Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Thu H và ông Đỗ Văn H tìm hiểu nhau hai năm thì tiến tới hôn nhân, tổ chức đám cưới tại tỉnh Bình Dương, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh T theo giấy chứng nhận kết hôn ngày 10 tháng 02 năm 2006.

Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống tại 550 B, thành phố T, tỉnh B tới nay. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc sau đó thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do công việc, tiền bạc và bất đồng quan điểm. Mâu thuẫn càng ngày càng trở nên trầm trọng, thường xuyên cãi vã từ tháng 07 năm 2022 đến năm 10 năm 2022.

Nay bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Hiền yêu cầu được ly hôn với ông Đỗ Văn H.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng bà Đỗ Thị Thu H và ông Đỗ Văn H có 01 con chung tên Đỗ Thùy Linh G, sinh ngày 20/01/2006. Sau khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và không yêu cầu ông Hải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn ông Đỗ Văn H: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu bị đơn ông Đỗ Văn H có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu của bà Đỗ Thị Thu H nhưng ông Đỗ Văn H không có ý kiến. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 30/01/2023 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do; đồng thời cũng không có ý kiến và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì thể hiện việc đồng ý hay không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà H và ông H do Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh B tiến hành ngày 29/11/2022, Hội Liên hiệp phụ nữ phường Đ, thành phố D, thành phố D, tỉnh B cung cấp thông tin như sau: bà Đỗ Thị Thu H không phải là thành viên hội phụ nữ phường. Trước khi khởi kiện ly hôn tại Toà án, bà H không có yêu cầu địa phương tổ chức hòa giải cơ sở; Hội Liên hiệp phụ nữ phường Đông Hòa cũng không tiếp nhận thông tin cung cấp từ đại diện khu phố cũng như người dân phản ánh. Vì vậy, Hội liên hiệp phụ nữ phường không rõ nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng bà Đỗ Thị Thu H và ông Đỗ Văn H, đồng thời Hội cũng không tiếp nhận phản ánh từ đại diện khu phố cũng như người dân phản ánh về mâu thuẫn giữa hai người, do đó không biết rõ mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:* Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Đỗ Thị Thu H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Đỗ Văn H đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào ngày 20/02/2023 và ngày 10/3/2023 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Thu H và ông Đỗ Văn H tự nguyện sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh T theo giấy chứng nhận kết hôn ngày 10 tháng 02 năm 2006 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3] Nguyên đơn xác định quá trình chung sống, vợ chồng không hạnh phúc, xảy ra nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp, ông H thường xuyên chửi bới và đánh tôi nhiều lần, vợ chồng còn mâu thuẫn về vấn đề kinh tế, ông H còn xúc phạm đến bố mẹ

bà H. Điều này phù hợp với lời khai của cháu Đỗ Thùy Linh G xác định, ông H thường xuyên chửi bà H, ông H không lo lắng cho gia đình, mâu thuẫn vợ chồng làm ảnh hưởng đến việc học hành của cháu G. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã triệu tập đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông H không có mặt và cũng không có bất kỳ ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn, điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, Vì vậy, nếu cứ tiếp tục duy trì tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các đương sự do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 việc bà Đỗ Thị Thu H yêu cầu được ly hôn với ông Đỗ Văn H là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung là cháu Đỗ Thùy Linh G, sinh ngày 20/01/2006. Hiện nay, cháu G đang sinh sống cùng với bà H. Sau khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu G cho tới khi cháu đủ tuổi trưởng thành. Căn cứ vào nguyện vọng của cháu G, trường hợp bố mẹ ly hôn thì cháu mong muốn sống cùng với mẹ. Việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét về mọi mặt của con chưa thành niên. Quá trình tố tụng tại Tòa án ông Đỗ Văn H vắng mặt và không có văn bản nào thể hiện ý chí mong muốn được nuôi con. Trong thời gian trước đây và hiện nay, cháu Giang được bà H nuôi dưỡng và đảm bảo tốt về mọi mặt nên việc giao cháu Đỗ Thùy Linh G cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc sau khi ly hôn là phù hợp quy định tại Khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự nguyện của bà H nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

[7] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn: bà Đỗ Thị Thu H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Thu H được ly hôn với ông Đỗ Văn H (theo giấy chứng nhận kết hôn do Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh T cấp ngày 10 tháng 02 năm 2006).

2. Về con chung: Ông Đỗ Văn H giao cháu Đỗ Thùy Linh G, sinh ngày 20/01/2006 cho bà Đỗ Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đỗ Thị Thu H không yêu cầu ông Đỗ Văn H cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau ly hôn, ông Đỗ Văn H và bà Đỗ Thị Thu H đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì quyền lợi hợp pháp của con, khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Bà Đỗ Thị Thu H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000762 ngày 10/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**